

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 319/2018/DS-PT
Ngày: 13/11/2018
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/8, 02/10, 11/10, 31/10 và 13/11/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLPT- DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn C, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B; cư trú tại khóm 1, phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 01 năm 2017), có mặt.

- *Bị đơn:* Ngô Văn N, sinh năm 1955, có mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn Thị H(vợ ông N), sinh năm 1958, vắng mặt;

2. Ngô Văn N (con ông N), sinh năm 1990;
3. Ngô Văn N1 (con ông N), sinh năm 1993;
4. Dương Thị L, sinh năm 1991

Người đại diện hợp pháp của anh Ngô Văn N, anh Ngô Văn N1, bà Văn Thị H: Ông Ngô Văn N; cư trú tại ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của anh N, anh N1 (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2017),

5. Trần Văn Đ, sinh năm 1951 (đã chết);
6. Huỳnh Thị T, sinh năm 1959;
7. Trần Văn K, sinh năm 1983;
8. Đặng Thị Bích T1, sinh năm 1991

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn K và chị Đặng Thị Bích T1 là ông Nguyễn Văn B (theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018).

9. Hồ Minh V, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

10. Nguyễn Thị L, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: Ấp II (khóm II), thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

11. Nguyễn Thị N, sinh năm 1959;

12. Võ Thị Đ, sinh năm 1946;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L và bà Võ Thị Đ: Ông Nguyễn Văn B; cư trú tại khóm 1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà L, bà Đ (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2017), có mặt.

13. Đỗ Văn N, sinh năm 1972, vắng mặt;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

14. Ủy ban nhân dân thị xã H;

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã H: Ông Đặng Văn N; cư trú tại Khóm A, phường L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã H.

3. Người kháng cáo anh Nguyễn Văn C là bị đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt; anh N vắng mặt; UBND thị xã H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2017 của anh Nguyễn Văn C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B trình bày: Năm 1972, cụ Nguyễn Văn D (ông nội của C) có quản lý phần đất được chế độ Sài Gòn cấp giấy chứng khoán chứng thư, quản lý sử dụng ổn định. Sau đó, cụ D chết và để lại phần đất này cho vợ chồng cụ H, cụ H2.

Năm 2000, khi còn sống cụ H có cho ông Ngô Văn N xây dựng tạm căn nhà tình thương diện tích 65,49m² (ngang 6,3m x dài 6m) trên phần đất rẫy của bà, nhà tình thương này do ông Nguyễn Văn H3, nguyên là Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã T xây dựng và trao nhà cho ông N, không phải là ông N có nhà cũ dỡ ra cất lại.

Năm 2005, phần đất này được chuyển đổi sang cho cụ Lê Thị H (bà nội của C), sống trong gia đình lúc đó có ông Nguyễn Văn H (cha của anh C), Võ Thị Đ (mẹ của anh C) và anh C.

Năm 2006, ông Nguyễn Văn H đã chết, anh C tiếp tục sinh sống với cụ D, cụ H và bà Đ và cũng trong năm 2006, cụ H có chuyển nhượng cho ông Hồ Minh V, sinh năm 1976, cùng địa chỉ cư trú với anh C diện tích 177m², thửa 656, tờ bản đồ số 01, đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất cặp mé sông (phía đầu phần đất của anh C, thuộc thửa 657). Khi mua, ông V đã xây cất nhà máy xẻ gỗ và ở ổn định cho đến nay. Anh C và ông V không nảy sinh tranh chấp. Tuy nhiên, khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V thì lại cấp giấy trên phần đất sau hậu thửa đất của anh C, sai vị trí so với phần đất thực tế ông V đang sử dụng. Lúc này, anh C đã làm đơn yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C và ông V.

Năm 2009, cụ Hía chết và năm 2010, cụ D chết, thì phần đất này do bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; khi bà Được đã già yếu, thì tộc họ ủy quyền cho anh Nguyễn Văn C quản lý, sử dụng phần đất này.

Năm 2013, Nhà nước chuyển tên từ cụ H sang cho anh C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 1.254m², thửa 657, tờ bản đồ số 01.

Ngày 10 tháng 10 năm 2013, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành quyết định số 661/QĐ-UBND-NĐ và quyết định số 662/QĐ-UBND-NĐ thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh C và ông V để điều chỉnh, khi cán bộ đo đạc, thẩm định đến đo đạc để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Ngô Văn N đã ngăn cản, không cho đo đạc; ngày 08 tháng 9 năm 2014, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành quyết định số 26/QĐ-UBND-NC công nhận quyền sử dụng đất cho ông N với diện tích 496m². Anh C không đồng ý với Quyết định này nên đã có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và tiếp sau đó anh C đã khởi kiện qua Tòa hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, ngày 28 tháng 4 năm 2016, Ủy ban nhân dân thị xã H đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND-NC về việc hủy quyết định số 26/QĐ-UBND-NC nên anh C đã rút đơn tại Tòa hành chính để được đình chỉ giải quyết vụ án và anh C đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã H, cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án chứ không khiếu nại đến cơ quan hành chính nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Ngô Văn N phải trả lại cho anh Nguyễn Văn C quyền sử dụng đất, diện tích 465m², di dời nhà và toàn bộ tài sản trên đất (trừ mồ mã và 01 cái miếu nhỏ, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết); còn sân nước và nhà bếp của gia đình bà T thống nhất cho tiếp tục sử dụng, không yêu cầu tháo dỡ, di dời. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Trong bản khai đề ngày 23 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Ngô Văn N (đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của anh N, anh N1) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đỗ Văn M (ông ngoại vợ của ông N), khi cụ M chết, thì để lại cho cụ Đỗ Thị L (mẹ vợ của ông N). Năm 1980, bà L cho vợ chồng ông N quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay, đất có diện tích 469m² (theo

đo đạc, thẩm định thực tế là 465m²), đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N đã xây cất 01 căn nhà và ở ổn định cho đến nay, trên phần đất này còn có xây dựng mô mã ông bà của ông N.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngô Văn N không thống nhất theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn C và cam kết chỉ có Tòa án giải quyết, chứ không khiếu nại đến cơ quan hành chính nào khác; yêu cầu anh C di dời (chặt, đốn) cây me nước để trả lại quyền sử dụng đất cho hộ ông; ông N thống nhất cho gia đình của bà T tiếp tục sử dụng 01 sân nước và 01 nhà bếp có chiều dài 2,1m, chiều ngang 1,9m. Ngoài ra, ông không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Trong bản tự khai đề ngày 21 tháng 4 năm 2017 của bà Huỳnh Thị T, anh Trần Văn K cũng như phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Huỳnh Thị T và anh Trần Văn K trình bày: Thống nhất với nội dung trong bản tự khai của ông Trần Văn Đ, nếu ông Nguyễn Văn C thất kiện thì sẽ tháo dỡ sân nước và nhà bếp ra khỏi phần đất tranh chấp nêu trên. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Minh V trình bày: Năm 2003, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Lê Thị H (bà nội của C) và có làm giấy tay, một hướng giáp với sông và một hướng giáp với bà Đỗ Thị L. Sau đó, ông được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bị lộn thửa, nên Ủy ban đã ra quyết định thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông đúng vị trí, thửa đất đang quản lý, sử dụng. Phần đất của ông không dính vào quyền sử dụng đất đang tranh chấp giữa anh C với ông N, nên ông không có yêu cầu, ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn N trình bày: Đối với việc tranh chấp giữa anh C với ông N, ông không ý kiến gì. Đối với một phần góc ngôi mộ của gia đình ông N đã xây qua một phần đất của ông, thì ông thống nhất giữ nguyên ngôi mộ, không tranh chấp, không yêu cầu di dời ngôi mộ. Ngoài ra, ông không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST, ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 465m² cho hộ ông Ngô Văn N (gồm có ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L).

Hộ ông Ngô Văn N (gồm có ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L) có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 465m² theo quy định của pháp luật. Đất có vị trí như sau:

Chiều ngang phía trước xác định từ mốc 1 đến mốc 2, 3, 4 là 20,36mét;

Chiều ngang phía sau xác định từ mốc 5 đến mốc 6, 7, 8 là 21,77mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 4 đến mốc 5 (cặp đất ông N) là 28,41mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 1 đến mốc 8, 9 (cặp đất anh C) là 17,01mét.

Trong đó:

Mốc 1 (cọc gỗ): Đo gờ về trụ đá đất công có chiều dài 8m và đo gờ về trụ đá ranh có chiều dài 11,41m;

Mốc 3 (cọc gỗ): Đo gờ về trụ đá đất công có chiều dài 12,80m và đo gờ về gốc ngôi mộ có chiều dài 7,80m.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số:150 – 2017 ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H) và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 3 năm 2017).

Anh Nguyễn Văn C phải di dời (di dời bằng mọi biện pháp) cây me nước ra khỏi quyền sử dụng đất của hộ ông Ngô Văn N theo đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn N; ông Ngô Văn N thống nhất cho gia đình của bà Huỳnh Thị T được tiếp tục sử dụng 01 (một) sào nước và 01 (một) nhà bếp có chiều dài 2,1m, chiều ngang 1,9m.

Đối với 08 (tám) ngôi mộ và 01 cái miếu nhỏ, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.347.500đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 820.000đồng; anh Nguyễn Văn C còn phải nộp thêm 4.527.500đồng (*Bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L, Huỳnh Thị T, Trần Văn K, Đặng Thị Bích T, Hồ Minh V, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Võ Thị Đ, Đỗ Văn N và Ủy ban nhân dân thị xã H đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định:

Anh Nguyễn Văn C phải chịu chi phí thẩm định 1.498.000đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*) nộp đủ và đã chi xong;

Ông Ngô Văn N không phải chịu chi phí thẩm định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/4/2018, anh Nguyễn Văn C kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy hoặc sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả lại cho anh phần diện tích đất 465m² (Bao gồm đất, căn nhà ông Nguyễn và các mồ mã nằm trên diện tích đất này).

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B là người đại diện theo ủy quyền của anh Cảnh có thay đổi nội dung kháng cáo, theo đó, đồng ý cho gia đình ông Nguyễn được sử dụng phần diện tích căn nhà đang ở và phần diện tích mồ mã, còn phần diện tích đất còn lại thì phải trả lại cho anh C.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của anh C là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn C Hội đồng xét xử xét thấy: diện tích đất tranh chấp 465m² có nguồn gốc là của gia đình anh, cụ thể là của cụ Nguyễn Văn D (ông nội của C) được chế độ Sài Gòn cấp chứng thư quyền sử dụng đất từ năm 1972; sau đó, cụ Diệt chết và để lại cho vợ chồng cụ H, cụ H1 là ông bà nội anh C sử dụng và đến năm 2000, khi còn sống cụ H1 có cho ông Ngô Văn N xây dựng tạm căn nhà tình thương diện tích 65,49m² (ngang 6,3m x dài 6m) trên phần đất rẫy để ở; năm 2005, phần đất này được chuyển đổi sang cho cụ H1 đứng tên; năm 2009, cụ H1 chết và năm 2010, cụ D chết, thì phần đất này do bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; khi bà Đ đã già yếu, thì tộc họ ủy quyền cho anh C đứng tên và quản lý, sử dụng phần đất này, do đó, nay anh C yêu cầu hộ ông N phải trả lại diện tích không có sử dụng nhà và khu mộ cho anh sử dụng; diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 01 do anh đứng tên quyền sử dụng đất. Xét thấy, lời trình bày của anh C cũng như người đại diện hợp pháp của anh C như trên là không có cơ sở, do không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về nguồn gốc đất; đối với chứng thư cấp quyền sử dụng đất của chế độ cũ cấp cho ông D cũng không có thể hiện vị trí, kích thước và hiện trạng sử dụng đất, trong đó diện tích cũng không phù hợp với toàn bộ diện tích đất mà sau này bà H1 kê khai và được cấp quyền sử dụng đất; khi bà H1 kê khai cấp quyền sử dụng đất thì trên đất đã có gia đình ông N sử dụng mà không có ý kiến của gia đình ông N về việc kê khai cấp đất này của cụ H cũng như không có văn bản thỏa thuận hay thừa nhận nào của ông N về phần đất mà

ông N đang sử dụng là của phía người kê khai cấp đất, là bà H; trong khi gia đình ông N đã sử dụng phần đất này ổn định, lâu dài từ trước năm 1975 đến nay và ông Nguyễn cho rằng nguồn gốc đất này là của cụ Đỗ Văn M (ông ngoại vợ của ông N), khi cụ M chết, thì để lại cho cụ Đỗ Thị L (mẹ vợ của ông Ng), năm 1980, bà L cho vợ chồng ông N quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay, xét thấy lời trình bày này là phù hợp với thực tế và hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông N.

Như vậy, xác định được việc kê khai cấp đất của bà H là có bao trùm lên phần đất của gia đình ông N đang sử dụng, nên việc cấp quyền sử dụng cho cụ H1 và sau đó cụ H1 chuyển quyền sử dụng lại cho anh C đối với diện tích đất này đều là trái pháp luật, còn việc sử dụng đất của gia đình ông N là ổn định, lâu dài nên hộ ông N có đủ căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại đất của anh C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía anh C cũng không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh C.

[2] Đối với lời trình bày của ông C tại cấp phúc thẩm, là người làm chứng cho anh C, thì Hội đồng xét xử xét thấy ông C cũng là người bà con trong gia đình của hai bên đương sự nên lời trình bày là không khách quan, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông C và không xem là chứng cứ trong vụ án.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 100, 101 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 03/4/2018.
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.
- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 465m² cho hộ ông Ngô Văn N (gồm có ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L).

Hộ ông Ngô Văn N (gồm có ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L) có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 465m² theo quy định của pháp luật. Đất có vị trí như sau:

- + Chiều ngang phía trước xác định từ mốc 1 đến mốc 2, 3, 4 là 20,36mét;
- + Chiều ngang phía sau xác định từ mốc 5 đến mốc 6, 7, 8 là 21,77mét;
- + Chiều một cạnh xác định từ mốc 4 đến mốc 5 (cặp đất ông Nhơn) là 28,41mét;
- + Chiều một cạnh xác định từ mốc 1 đến mốc 8, 9 (cặp đất anh Cảnh) là 17,01mét.

Trong đó:

+ Mốc 1 (cọc gỗ): Đo gờ về trụ đá đất công có chiều dài 8m và đo gờ về trụ đá ranh có chiều dài 11,41m;

+ Mốc 3 (cọc gỗ): Đo gờ về trụ đá đất công có chiều dài 12,80m và đo gờ về gốc ngôi mộ có chiều dài 7,80m.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số:150 – 2017 ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H) và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 3 năm 2017).

- Anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ di dời hoặc đốn bỏ cây Me Nước ra khỏi phần đất được công nhận cho hộ ông Ngô Văn N được sử dụng như trên theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn N; ông Ngô Văn N thống nhất cho gia đình của bà Huỳnh Thị T được tiếp tục sử dụng 01 (một) sào nước và 01 (một) nhà bếp có chiều dài 2,1m, chiều ngang 1,9m.

- Đối với 08 (tám) ngôi mộ và 01 cái miếu nhỏ, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.347.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 820.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 034551 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H; anh Nguyễn Văn C còn phải nộp thêm 4.527.500 đồng (*Bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Ngô Văn N, Văn Thị H, Ngô Văn N, Ngô Văn N1, Dương Thị L, Huỳnh Thị T, Trần Văn K, Đặng Thị Bích T, Hồ Minh V, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị N, Võ Thị Đ, Đỗ Văn N1 và Ủy ban nhân dân thị xã H đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Anh C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 02610 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (đã nộp xong).

- Về chi phí thẩm định và định giá: Anh Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ là 1.498.000 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Anh C đã nộp đủ và đã chi xong.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD&KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy